**TRƯỜNG THPT PHAN ĐĂNG LƯU**

**TỔ ĐỊA LÍ**

**NỘI DUNG ÔN THI HỌC KÌ II**

**MÔN ĐỊA LÍ NĂM HỌC 2022 – 2023**

**KHỐI 10**

BÀI 29: CƠ CẤU, VAI TRÒ VÀ ĐẶC ĐIỂM CÔNG NGHIỆP,

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI PHÁT TRIỂN

VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP

**I. CƠ CẤU, VAI TRÒ VÀ ĐẶC ĐIỂM NGÀNH CÔNG NGHIỆP**

**1. Cơ cấu**

- Khái niệm: Cơ cấu ngành công nghiệp thể hiện ở tỉ trọng giá trị sản xuất của từng ngành (nhóm ngành) trong toàn bộ hệ thống các ngành công nghiệp.

- Phân loại: Có nhiều cách phân loại cơ cấu ngành công nghiệp.

+ Theo tính chất tác động vào đối tượng lao động, công nghiệp được chia thành hai nhóm chính là công nghiệp khai thác và công nghiệp chế biến.

+ Theo công dụng kinh tế sản phẩm,công nghiệp được chia thành công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất và công nghiệp sản xuất sản phẩm tiêu dùng.

**2. Vai trò**

– Công nghiệp có vai trò quan trọng đối với nền kinh tế. Ở nhiều quốc gia, công nghiệp chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu GDP.

– Việc đẩy mạnh công nghiệp hoá ở mỗi quốc gia không chỉ thúc đẩy sự phát triển kinh tế mà còn thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

– Ngành công nghiệp cung cấp tư liệu sản xuất và nguồn nguyên liệu cho các ngành kinh tế khác đồng thời là những mặt hàng xuất khẩu có giá trị.

– Phát triển công nghiệp có ảnh hưởng lớn đến xã hội như giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động góp phần cải thiện đời sống văn hoá, văn minh cho con người.

– Công nghiệp còn góp phần củng cố an ninh quốc phòng cho đất nước.

**3. Đặc điểm**

– Sản xuất công nghiệp thường gắn với máy móc và gồm nhiều công đoạn phức tạp, tỉ mỉ

– Các cuộc cách mạng công nghiệp với tác động của công nghệ số làm thay đổi mạnh mẽ cơ cấu ngành công nghiệp và hình thức tổ chức sản xuất công nghiệp.

– Sản xuất công nghiệp có sự tập trung hoá, chuyên môn hoá và hợp tác hoá.

– Ngành công nghiệp ngày càng tham gia mạnh mẽ vào chuỗi giá trị toàn cầu.

– Trong phát triển công nghiệp hiện nay, sản xuất công nghiệp ngày càng chú trọng đến bảo vệ môi trường.

**II. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP**

**1. Vị trí địa lí:** ảnh hưởng đến sự lựa chọn và phân bố cơ sở sản xuất công nghiệp, như vị trí tiếp giáp biển, các đầu mối giao thông, các mỏ khoáng sản, các đô thị,…

**2. Điều kiện kinh tế – xã hội:** Đóng vai trò quyết định.

- dân cư và nguồn lao động vừa cung cấp lao động cho sản xuất, vừa là thị trường tiêu thụ sản phẩm nên ảnh hưởng đến quy mô phát triển và phân bố ngành công nghiệp;

- Cơ sở vật chất – kĩ thuật và cơ sở hạ tầng, là nền tảng thúc đẩy sự hợp tác trong sản xuất; tiến bộ khoa học – công nghệ làm xuất hiện các ngành mới và sự thay đổi trong phân bố ngành công nghiệp;

- Nguồn vốn và thị trường ảnh hưởng đến cơ cấu, quy mô của ngành.

- Đường lối chính sách tác động đến xu hướng phát triển, các hình thức tổ chức lãnh thổ và phân bố của ngành công nghiệp.

**3. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên:**

- Nguồn tài nguyên ảnh hưởng đến cơ cấu, quy mô phát triển và phân bố ngành công nghiệp;

- Nguồn nước và quỹ đất tác động đến sự phân bố ngành công nghiệp;…

BÀI 30: ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP

**III. CÔNG NGHIỆP ĐIỆN LỰC**

**1 Vai trò:**

- Công nghiệp điện lực cung cấp nguồn năng lượng thiết yếu để phát triển các ngành kinh tế;

- Là nhân tố quan trọng trong phân bố các ngành công nghiệp hiện đại

- Góp phần vào sự thành công của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở các quốc gia,

- Góp phần nâng cao đời sống văn hoá, củng cố an ninh quốc phòng.

**2. Đặc điểm:**

Cơ cấu sản lượng điện khá đa dạng và có sự thay đổi theo thời gian. Trong giai đoạn 1990 – 2020,

+ Điện sản xuất từ than, thuỷ điện, dầu mỏ, điện nguyên tử có xu hướng giảm tỉ trọng;

+ Điện sản xuất từ khí tự nhiên và các nguồn năng lượng tái tạo có xu hướng tăng tỉ trọng.

**3. Phân bố:**

**-**  Sản lượng điện toàn thế giới không ngừng tăng. Năm 1990, sản lượng điện toàn thế giới là 11 890 tỉ kWh; năm 2020, sản lượng điện toàn thế giới là 25 865 tỉ kWh.

- Các quốc gia có sản lượng điện lớn là Trung Quốc, Hoa Kỳ, Ấn Độ, Liên bang Nga, Nhật Bản,… 🡪 Do các nước có nền kinh tế phát triển hoặc dân số đông nên nhu cầu tiêu thụ điện rất lớn.

**IV. CÔNG NGHIỆP ĐIỆN TỬ – TIN HỌC**

**1. Vai trò**

+ Công nghiệp điện tử – tin học có vị trí then chốt trong nền kinh tế và tác động lan toả mạnh mẽ đến các ngành công nghiệp khác.

+ Sản phẩm của công nghiệp điện tử – tin học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

+ Sự phát triển của công nghiệp điện tử – tin học thúc đẩy sự xuất hiện của nhiều ngành khoa học – kĩ thuật cao, làm thay đổi cơ cấu lao động và trình độ lao động trên thế giới.

**2. Đặc điểm**

+ Công nghiệp điện tử – tin học là ngành công nghiệp trẻ, phát triển rất nhanh từ năm 1990 trở lại đây.

+ Sản phẩm của công nghiệp điện tử – tin học khá đa dạng, như các linh kiện điện tử; máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính; thiết bị truyền thông; sản phẩm điện tử dân dụng; định hướng và điều khiển; thiết bị và dụng cụ quang học;…

+ Đây là ngành công nghiệp yêu cầu nguồn lao động có trình độ chuyên môn kĩ thuật cao, hoạt động sản xuất ít gây ô nhiễm môi trường.

**3. Phân bố:** công nghiệp điện tử – tin học phân bố ở hầu hết các nước phát triển và ở nhiều nước đang phát triển như Hoa Kỳ, các nước châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ô-xtrây-li-a, Bra-xin, Trung Quốc, Ấn Độ, Ma-lai-xi-a, Việt Nam,…

**V. CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT HÀNG TIÊU DÙNG**

**1. Vai trò**

+ Tạo ra các sản phẩm phục vụ nhu cầu tiêu dùng hằng ngày của người dân.

+ Nhiều sản phẩm của ngành là mặt hàng có giá trị xuất khẩu.

+ Góp phần giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.

**2. Đặc điểm**

+ Cơ cấu công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng đa dạng: dệt – may, da giày, giấy – in, văn phòng phẩm,…

+ Vốn đầu tư thường ít, quy trình sản xuất đơn giản hơn các ngành công nghiệp khác, thời gian sản xuất ngắn.

+ Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng là ngành thường gây ô nhiễm môi trường trong quá trình sản xuất.

**3. Phân bố:** công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng phân bố rộng khắp thế giới. Hiện nay, ngành này phát triển mạnh ở nhiều quốc gia đang phát triển như Bra-xin, Trung Quốc, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam,…

**VI. CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM**

**1. Vai trò**

- Cung cấp các sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu ăn, uống hằng ngày của con người.

- Góp phần thúc đẩy sự phát triển ngành sản xuất nông nghiệp, thuỷ sản.

- Là nguyên liệu cho một số ngành công nghiệp khác.

- Cung cấp nguồn hàng xuất khẩu ở một số quốc gia.

- Tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.

**2. Đặc điểm**

- Đa dạng về cơ cấu ngành:

+ Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.

+ Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản.

+ Chế biến và bảo quản rau quả;

+ Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật.

+ chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; xay xát và sản xuất bột;…

- Vốn đầu tư thường ít, thời gian thu hồi vốn nhanh.

- Phụ thuộc nhiều vào nguồn lao động, thị trường tiêu thụ, nguồn nguyên liệu.

**3. Phân bố:** Đây là ngành đang phát triển mạnh và phân bố rộng rãi trên thế giới.

BÀI 31: TỔ CHỨC LÃNH THỔ CÔNG NGHIỆP, TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG NGHIỆP TỚI MÔI TRƯỜNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP

**III. TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG NGHIỆP TỚI MÔI TRƯỜNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP TRONG TƯƠNG LAI**

**1. Tác động của công nghiệp tới môi trường**

Hoạt động sản xuất công nghiệp tác động đến môi trường trên cả hai phương diện, tích cực và tiêu cực.

- Tác động tích cực, ngành công nghiệp tạo ra các máy móc, thiết bị sử dụng công nghệ hiện đại để dự báo và khai thác hợp lí nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường.

- Tác động tiêu cực đến môi trường như:

+ Ô nhiễm môi trường nước và môi trường không khí.

+ Ô nhiễm môi trường do chất thải rắn.

+ Ô nhiễm môi trường do sản phẩm công nghiệp sau khi sử dụng.

+ Tình trạng cạn kiệt một số nguồn tài nguyên thiên nhiên.

- Vì thế việc phát triển các nguồn năng lượng tái tạo là cần thiết, như năng lượng từ mặt trời, gió, sóng biển, thuỷ triều,...

**2. Định hướng phát triển ngành công nghiệp trong tương lai**

Trong tương lai, ngành công nghiệp được phát triển theo các hướng:

– Chuyển dần từ ngành công nghiệp truyền thống sang các ngành công nghiệp có hàm lượng kĩ thuật – công nghệ cao.

– Sự phát triển của các cuộc cách mạng công nghiệp (như Cách mạng công nghiệp lần thứ tư) tác động mạnh mẽ đến sự liên kết và phát triển công nghiệp theo ngành, theo vùng.

– Hoạt động sản xuất công nghiệp ngày càng gắn với sự khai thác hợp lí, có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên.

– Phát triển ngành công nghiệp theo hướng công nghiệp xanh, nhằm hạn chế phát thải khí CO2 và các chất độc hại ra môi trường.

**BÀI TẬP:** Vẽ biểu đồ tốc độ tăng trưởng có tính tốc độ.

Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ VÀ SỮA TƯƠI CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2016** | **2018** | **2020** |
| Cà phê *(nghìn tấn)* | 87,6 | 95,4 | 107,4 | 123,4 |
| Sữa tươi *(triệu lít)* | 1027,9 | 1105,5 | 1217,9 | 1365,2 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

Vẽ biểu đồ thích hợp để thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng cà phê và sữa tươi của nước ta giai đoạn 2015 – 2020.

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**KHỐI 12**

**Bài 30. VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG VẬN TẢI –THÔNG TIN LIÊN LẠC**

**1:Đường bộ:**

1. Quốc lộ 1A

* Tổng chiều dài 2300 km từ Lạng Sơn đến Cà Mau.
* Là tuyến đường xương sống nối liền 6/7 vùng kinh tế và các trung tâm kinh tế lớn của nước ta.

1. Đường HCM: Nối liền từ HN- TPHCM góp phần thúc đẩy KTXH ở phía Tây đất nước đồng thời phân bố lại dân cư, hình thành đô thị mới.

* Ngoài ra còn có 1 số tuyến đường khác 7-8-9 …

**2.Đường Fe**:

- Tổng chiều dài 3100km. Trong đó đường Fe Thống nhất B-N là tuyến đường fe quan trọng chạy // với quốc lộ 1A

- Ngoài ra có 1 số tuyến đường khác: HN- Hải phòng, HN –Lào Cai, HN-Thái Nguyên.

3**.Đường Sông:**

- Nước ta có mạng lưới song ngòi dày đặc nhưng mới chỉ sử dụng 1100km vào mục đích giao thông.

- Các tuyến đường chính: Hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình. Hệ thống sông Cửu Long.

**4. Đường ống:**

- Ra đời cùng với sự ra đời và phát triển của ngành dầu khí.

- Các tuyến đường: MB: Tuyến đường ống từ Bãi Cháy –ĐBSH

MN: Tuyến đường ống từ thềm lục địa vào đất liền.

**5.Đường hàng không**

- Là ngành mới ra đời nhưng phát triển nhanh chóng trong những năm gần đây

- Cả nước có 22 sân bay trong đó có 5 sân bay quốc tế:

**6: Đường biển**:

- Có đường bờ biển dài có nhiều vũng vịnh kín gió tạo thuận lợi để xây dựng cảng biển:

- Các cảng biển quan trọng: Hải Phòng, Cái Lân, Đà Nẵng, Dung Quất, Sài gòn…

**Bài 31. THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH**

**1. Tình hình hoạt động thương mại nước ta trong những năm gần đây.**

**a. Ngoại thương:**

- Sau Đổi mới, thị trường mở rộng theo hướng đa dạng hóa, đa phương hóa.Việt Nam đã trở thành thành viên thứ 150 của WTO.

- Cán cân XNK tiến dần tới cân bằng, năm 1992 lần đầu tiên nước ta xuất siêu. Sau đó tiếp tục nhập siêu nhưng khác về bản chất so với trước.

- Kim ngạch xuất, nhập khẩu tăng nhanh

- Mặt hàng xuất khẩu: CN năng và khoáng sản, CN nhẹ và tiểu thủ CN, hàng N-L-TS. Thị trường chính: Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc

- Mặt hàng nhập khẩu: Nguyên liệu, tư liệu sản xuất, hàng tiêu dùng. Thị trường: KV châu Á – Thái Bình Dương và châu Âu.

**b. Nội thương**: Cả nước đã hình thành 1 thị trường thống nhất, hàng hóa phong phú đa dạng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân.Thu hút sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế.

**2. Chứng minh tài nguyên du lịch nước ta phong phú đa dạng.**

a.Tài nguyên du lịch tự nhiên:

- Địa hình đa dạng có khoảng 200 hang động(Vịnh Hạ Long, động Phong Nha).125 bãi biển nằm dọc đất nước.

- Khí hậu phân hóa đa dạng theo mùa, theo vĩ độ…tạo sự phong phú các cảnh quan thiên nhiên

- Sông ngòi: Nhiều sông lớn đã trở thành điểm tham quan du lịch, ngoài ra có nước nóng nước khoáng..

- Sinh vật: Phong phú đặc biệt là các vườn quốc gia.

b.Tài nguyên du lịch nhân văn:

- Các di tích lịch sử: Có khoảng 4 vạn di tích, trong đó có nhiều di tích được công nhận là di sản văn hóa thế giới: Phố cổ Hội An, Mĩ Sơn…

- Các lễ hội diễn ra trên khắp đất nước gắn với các di tích lịch sử.

- Ngoài ra còn có loại hình văn hóa dân gian, làng nghề truyền thống…

**3. Tình hình phát triển du lịch.**

- Ngành du lịch phát triển từ thập kỷ 90

- Khách du lịch và doanh thu du lịch tăng nhanh( Át lát)…

- Có 3 vùng du lịch: vùng DL Bắc Bộ, vùng DL BTB, vùng DL NTB và Nam Bộ

- Các trung tâm DL: Hà Nội, TPHCM, Huế - Đà Nẵng.

**BÀI 32 : VẤN ĐỀ KHAI THÁC THẾ MẠNH Ở**

**TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ**

* + - 1. **KHÁI QUÁT CHUNG**
  + Diện tích lớn nhất nước ( 101 nghìn km2), số dân hơn 12 triệu người (năm 2006).

🡪 Vị trí địa lí đặc biệt về kinh tế- văn hóa- an ninh quốc phòng.

**II CÁC THẾ MẠNH CỦA VÙNG**

**1.Thế mạnh về khai thác và chế biến khoáng sản :**

- Giàu có bậc nhất cả nước : Than, sắt, đồng, chì- kẽm…

- Than đá: Trữ lượng khoảng 3 tỉ tấn là loại than có chất lượng tốt nhất Đông Nam Á tập trung chủ yếu ở Quảng Ninh.Trung bình mỗi năm khai thác 30 triệu tấn/năm, dùng làm nhiên liệu cho nhiệt điện, tiêu dùng và xuất khẩu. Các nhà máy nhiệt điện: Uông Bí và Uông Bí mở rộng 450MW, Na Dương 110MW, Cẩm Phả.

- Kim loại và phi kim :

+ Kim loại: sắt (Yên Bái), đồng (Sơn La), thiếc (Cao Bằng)...

+ Phi kim loại: Apatit (Lào Cai), mỗi năm khai thác 600.000 tấn, dùng sản xuất phân lân. Ngoài ra có vật liệu xây dựng: Đá vôi, đất sét…=>Cung cấp nguyên liệu cho CNghiệp của vùng

- Khó khăn: Thiếu vốn và cơ sở vật chất KT, khoáng sản nằm sâu nên khai thác khó khăn, tốn kém.

**2.Thế mạnh về khai thác thuỷ điện ở TDMM Bắc Bộ**

- Là vùng có trữ năng thủy điện lớn nhất nước, hệ thống sông Hồng là 11triệu KW, sông Đà là 6 triệu KW.

-Trong vùng đã xây dựng các nhà máy thủy điện. Hoà Bình trên sông Đà 1920MW. Thác Bà trên sông Chảy 110 MW, Sơn La trên sông Đà 2.400MW, Tuyên Quang (S.Gâm) 300MW. Nhiều nhà máy nhỏ đang xây dựng trên phụ lưu các sông.

- Ý nghĩa: Việc phát triển thuỷ điện sẽ tạo ra động lực mới cho vùng như cung cấp điện sinh hoạt cho đồng bào dân tộc, nhất là việc khai thác và chế biến khoáng sản với nguồn điện giá rẻ, dồi dào. Tuy nhiên cần chú ý đến sự thay đổi môi trường.

**3.Thế mạnh trồng và chế biến cây CN, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt và ôn đới**

***a.Khả năng (điều kiện phát triển)***

- Đất: Đất Feralit trên đá vôi ở vùng đồi núi và đất phù sa cổ ở vùng trung du thuận lợi cho trồng cây CN, ăn quả

- Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh nhất nước ta:Vùng Đông Bắc lạnh do gió mùa Đông Bắc, vùng Tây Bắc lạnh do địa hình núi cao tạo thế mạnh trồng các cây cận nhiệt và ôn đới.

- Địa hình trung du miền núi thuận lợi cho phát triển cây CN. Ngoài ra dân cư có nhiều kinh nghiệm, thị trường rộng lớn.

**b.Hiện trạng phát triển** :

- Là vùng chuyên canh chè lớn nhất cả nước có ở Thái Nguyên, Yên Bái….

- Cây dược liệu như tam thất, đỗ trọng chủ yếu ở Hoàng Liên Sơn

- Các cây ăn quả như :Đào, lê, mận…và các loại rau xứ lạnh như : Su hào, cải bắp..

**- Khó khăn**: Khí hậu thất thường, sương muối rét đậm rét hại thiếu nước mùa đông….Cơ sở chế biến còn lạc hậu

**- Ý nghĩa.** Giúp phát triển nền nông nghiệp hàng hóa, hạn chế nạn du canh, du cư...

**4.Thế mạnh chăn nuôi gia súc**

**a.Khả năng (điều kiện)**:

- Là vùng đồi núi nên có nhiều đồng cỏ thuận lợi chăn nuôi. Ngoài ra còn có nhiều hoa màu dùng để làm thức ăn cho chăn nuôi (lợn).

- Có nhiều giống vật nuôi tốt, dân cư có nhiều kinh nghiệm..

**b. Hiện trạng:**

- Đàn bò chiếm 16% cả nước chủ yếu ở Mộc Châu

- Đàn trâu chiếm 50% đàn trâu cả nước Trâu khỏe hơn, chịu rét giỏi, dễ chăn thả trong rừng nên được nuôi nhiều hơn bò.

- Đàn lợn tăng nhanh chiếm 21% cả nước.

**c.Khó khăn**: Việc vận chuyển còn hạn chế, đồng cỏ kém chất lượng, thiên tai…

**5.Thế mạnh kinh tế biển :**Chỉ có ở Quảng Ninh nhưng đem lại giá trị kinh tế lớn.

- Nuôi trồng và đánh bắt thủy sản ngày càng phát triển do nhiều bãi triều, vũng vịnh.

- Du lịch biển đảo phát triển thông qua quần thể du lịch Hạ Long nhiều năm được công nhận là di sản thiên nhiên thế giới.

- Giao thông vận tải đường biển phát triển thông qua cảng Cái Lân.

**BÀI 33: VẤN ĐỀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO NGÀNH**

**Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG**

**I :Khái quát chung**

**II :Những thế mạnh và hạn chế của vùng :**

**1/ Thế mạnh** :

**a/ Tự nhiên :**

-Vị trí địa lí thuận lợi, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, giáp TDMNBB, Bắc Trung Bộ và giáp biển Đông thuận lợi giao lưu hợp tác và phát triển kinh tế.

- Đất nông nghiệp chiếm 51,2%, trong đó chiếm 70% là đất phù sa màu mỡ thuận lợi phát triển NN

- Nguồn nước dồi dào qua hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình. Ngoài ra còn có nước khoáng, nước nóng => thuận lợi cho sản xuất, sinh hoạt

- Bờ biển dài 400km, thuận lợi nuôi trồng thủy sản, du lịch biển và GTVTđường biển.

- Khoáng sản: Không nhiều chỉ có đá vôi, đất sét, cao lanh và khí tự nhiên..

**b/ Kinh tế** :

- Dân số đông: Năm 2005 có 18,2 triệu người có trình độ khoa học kĩ thuật cao

- Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kĩ thuật phát triển hoàn chỉnh và hiện đại.

- Thị trường tiêu thụ rộng lớn, lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời, có nhiều di tích lịch sử lễ hội làng nghề truyền thống.

**2/ Khó khăn**:

- Là vùng đông dân nhất nước, mật độ dân số cao nhất 1225 người/ km2  (2006), gấp 4,8 lần trung bình cả nước gây sức ép đến kinh tế xã hội và môi trường.

- Thiên tai: Bão, lũ, hạn hán… gây thiệt hại cho sản xuất

- Tài nguyên thiên nhiên ít mà mức độ khai thác nhiều-> cạn kiệt.

- Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, chưa phát huy hết thế mạnh của vùng.

**III.Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở ĐBSH**

**1.Vì sao phải chuyển dịch ?**

- ĐBSH có vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển KT đất nước, là vùng trọng điểm lương thực lớn thứ 2, là vùng có ngành CN và dịch vụ quan trọng của cả nước.

- Dân số quá đông, cơ cấu KT theo ngành còn nhiều hạn chế.

- Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế giúp cho vùng khai thác tốt hơn các nguồn lực tự nhiên- kinh tế xã hội , đặc biệt là nguồn nhân lực đông.

**2.Thực trạng** :

Cơ cấu kinh tế theo ngành của vùng chuyển dịch theo hướng : Giảm tỉ trọng ngành NN, tăng tỉ trọng ngành CN và DV. Đây là xu hướng chuyển dịch tích cực phù hợp với quá trình CNH nhưng tốc độ còn chậm.

**3. Phương hướng :**

-Tiếp tục chuyển dịch theo xu hướng trên, nhằm đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế cao đồng thời giải quyết tốt vấn đề xã hội môi trường.

- Khu vực 1: Giảm tỉ trọng trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi đặc biệt là nuôi trồng thủy sản.

- Khu vực 2: Phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm như CN chế biếnLTTP, dệt may, điện tử tin học

- Khu vực 3: Đẩy mạnh các ngành dịch vụ : Du lịch, tài chính, ngân hàng, giáo dục, y tế..

**BÀI 35: VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**

**Ở BẮC TRUNG BỘ**

**I. Khái quát chung**

**II.Vấn đề hình thành cơ cấu nông – lâm – ngư nghiệp**

**1. Ý nghĩa của việc hình thành cơ cấu nông – lâm – ngư nghiệp**

- Đi từ Đông sang Tây địa hình thay đổi :Vùng biển rộng lớn- đồng bằng ven biển và vùng đồi núi phía Tây nên hình thành cơ cấu sẽ góp phần phát triển nền kinh tế bền vững cho vùng tạo ra cơ cấu kinh tế theo thế liên hoàn.

- Giúp phát huy thế mạnh của vùng, góp phần đẩy mạnh CN hóa – hiện đại hóa.

**2. Hình thành cơ cấu nông – lâm- ngư nghiệp**

**a.Thế mạnh về nông nghiệp**

- Vùng trung du :Chăn nuôi gia súc lớn (trâu chiếm 25% cả nước, bò chiếm 20% cả nước), ngoài ra có đất badan màu mỡ có thể trồng cây CN lâu năm : Cà phê, cao su..

- Vùng đồng bằng đất cát pha :Chuyên canh cây CN hàng năm mía, lạc, thuốc lá. Cây lúa chiếm diện tích ít chỉ có ở đb ven biển.

**b.Thế mạnh về lâm nghiệp**

- Diện tích rừng chiếm 20% cả nước, độ che phủ là 47,8% chỉ đứng sau Tây Nguyên. Rừng có nhiều gỗ quí, nhiều lâm sản, chim thú có giá trị.

- Hiện nay rừng giàu chỉ còn ở biên giới Việt – Lào, trong vùng đã hình thành các lâm trường khai thác và chế biến gỗ. Tuy nhiên trong quá trình khai thác cần đi đôi với tu bổ và bảo vệ rừng.

**=> Ý nghĩa** : R có vai trò vô cùng quan trọng : Giúp bảo vệ môi trường sống của các động thực vật quý hiếm, điều hòa nguồn nước, ngăn cản lũ lụt. Rừng ven biển có tác dụng chắn gió, chắn bão, ngăn cản cát bay lấn chiếm làng mạc ruộng đồng .

c. **Thế mạnh về ngư nghiệp:**

- Các tỉnh đều giáp biển nên đều có khả năng phát triển nghề cá. Nghệ An là tỉnh trọng điểm về nghề cá.

- Hiện nay nuôi trồng thủy sản phát triển ở cả 3 môi trường nước lợ, nước mặn và nước ngọt đã làm thay đổi cơ cấu kinh tế của vùng.

- Do hạn chế về vốn và kĩ thuật nên chủ yếu là đánh bắt gần bờ, làm suy giảm nguồn lợi thủy sản.

**III. Vấn đề hình thành cơ cấu công nghiệp và phát triển cơ sở hạ tầng GTVT**

**1.Cơ cấu công nghiệp :**

**a.Điều kiện** :Phát triển dựa trên nguồn tài nguyên sẵn có :Khoáng sản, nông lâm ngư nghiệp dồi dào, lao động đông, giá rẻ.

**b.Hiện trạng**:

+Trong vùng đã hình thành 1 số các trung tâm CN có qui mô nhỏ nằm dọc ven biển như: Thanh Hóa, Vinh,Huế các ngành chính như :Cơ khí,CNCB nông lâm thủy sản,vl XD

+ Do còn hạn chế về vốn, kĩ thuật nên nguồn năng lượng của vùng chủ yếu sử dụng từ đường dây 500kv.Hiện nay đang xây dựng các nhà máy thủy điện: Bản Vẽ, Cửa Đạt..

**2.Xây dựng cơ sở hạ tầng GTVT**

PT cơ sở hạ tầng sẽ tạo ra nhiều thay đổi lớn trong việc phát triển KT-XH của vùng, vì :

- Phát triển mạng lưới giao thông (quốc lộ 1A, đường sắt Thống Nhất và đường Hồ Chí Minh góp phần nâng cao vai trò cầu nối từ Bắc vào Nam

- Phát triển các tuyến đường ngang( 7-8-9) và đường Hồ Chí Minh giúp khai thác tiềm năng và thúc đẩy sự phát triển kinh tế ở phía Tây đất nước đồng thời giao lưu hợp tác nước ngoài.

- Phát triển hệ thống sân bay, cảng biển tạo thế mở cửa nền KT, hình thành các khu công nghiệp tập trung.

**BÀI 36: VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**

**Ở DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ**

1. **Khái quát chung**

- Diện tích gần 44,4 nghìn km2, dân số gần 8,9 triệu người (năm 2006).

- Vị trí ………………………………………………………………………

- Gồm ngoài ra còn có 2 quần đảo ngoài khơi là Hoàng Sa ( Đà Nẵng) vàTrường Sa (thuộc Khánh Hòa).

**II : Vấn đề phát triển tổng hợp kinh tế biển**

**1.Nghề cá**

a/ Điều kiện :

-Tất cả các tỉnh đều giáp biển

- Đường bờ biển dài có nhiều vũng vịnh đầm phá và các ngư trường rộng lớn tạo sự phong phú đa dạng thủy hải sản: Cá, tôm, cua, mực…

- Dân cư có nhiều kinh nghiệm, được Đảng và nhà nước quan tâm.

b/ Hiện trạng :

- Sản lượng cá năm 2005 là 624 nghìn tấn, riêng cá biển là 420 nghìn tấn. Nhiều loài cá có giá trị kinh tế cao như cá thu, cá ngừ, cá trích, cá nục và nhiều loài tôm mực khác

- Hiện nay công nghiệp chế biến hải sản của vùng phát triển mạnh như: Nước Mắm

( Phan Thiết), đông lạnh..

- Trong tương lai vùng đang đẩy mạnh sản xuất thủy sản hàng hóa. Tuy nhiên cần khai thác hợp lí đi đôi với bảo vệ nguồn lợi này.

**2.Du lịch biển**

- Điều kiện 🡩: Có nhiều bãi biển đẹp, nổi tiếng như Đà Nẵng,Qui Nhơn, Nha Trang…

- Trong đó Nha Trang là một trong những vịnh biển đẹp nhất trên TG, Đà Nẵng là trung tâm du lịch quan trọng.

- Hiện nay du lịch biển gắn liền với du lịch đảo ngày càng thu hút khách.

**3.Dịch vụ hàng hải**

**- Điều kiện 🡩** :Có nhiều vũng vịnh nước sâu, kín gió, là địa điểm lí tưởng để xây dựng các cảng nước sâu.

- Hiện nay đã có các cảng biển Đà Nẵng, Qui Nhơn, Nha Trang.

- Đang xây dựng cảng nước sâu Dung Quất.Khai thác vịnh Vân Phong sẽ là cảng trung chuyển hàng hóa lớn nhất nước ta.

**4.Khai thác khoáng sản ở thềm lục địa và sản xuất muối**

- Khoáng sản : Có tài nguyên dầu khí ở thềm lục địa, hiện đang khai thác mỏ Phú Quí ở tỉnh Bình Thuận. Ngoài ra có titan, cát trắng.

-Vùng có nhiệt độ trung bình năm cao, mùa khô kéo dài thuận lợi phát triển nghề muối, nổi tiếng nhất là Sa Huỳnh, Cà Ná.

**IV :Vấn đề phát triển công nghiệp và cơ sở hạ tầng**

**1:Phát triển công nghiệp :**

**- Điều kiện** **🡩 (Các nguồn tài nguyên**)**:** Nguồn nguyên liệu từ nông lâm ngư nghiệp dồi dào, lao động đông, giá rẻ.

- **Hiện trạng phát triển**:

+ Vùng đã hình thành các trung tâm CN có qui mô trung bình nằm dọc ven biển như : Đà Nẵng, Qui Nhơn,Nha Trang, Phan Thiết. Các ngành CN chủ yếu là cơ khí, hàng tiêu dùng, chế biến nông lâm thủy sản...Tương lai CN của vùng phát triển nhờ các dự án đầu tư nước ngoài.

+ Cần ưu tiên phát triển nguồn năng lượng (điện). Ngoài sử dụng lưới điện quốc gia, vùng đã có các nhà máy thủy điện như Sông Hinh, Hàm Thuận – Đa Mi, Đa Nhim…Tương lai sẽ xây dựng nhà máy điện nguyên tử đầu tiên của Việt Nam ở khu vực này.

**2:Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải**

- Việc phát triển giao thông vận tải sẽ tạo ra thế mở cửa hơn nữa cho vùng và giúp phân công lại lao động.

- Việc nâng cấp Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam sẽ làm tăng thêm vai trò trung chuyển của vùng và đẩy mạnh giao lưu với Đông Nam Bộ.

- Hệ thống sân bay của vùng đã được nâng cấp: Đà Nẵng (sân bay quốc tế), Qui Nhơn, Cam Ranh,…Các dự án đường ngang 19, 26 nối Tây Nguyên với các cảng nước sâu sẽ có vai trò quan trọng trong mối quan hệ giữa DH Nam Trung Bộ với Tây Nguyên, nam Lào và đông bắc Thái Lan.

**HẾT**